

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO NGÀY
10.3.2026

NGHỊ QUYẾT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ QUYẾT SỐ 13/2022/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2022 QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Thông tư 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 quy định về nội dung, mức chi đề tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 quy định về nội dung, mức chi đề tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Bãi bỏ phụ lục Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

a) Thay thế cụm từ “kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện,” tại dòng thứ 4 khoản 1 bằng cụm từ “kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã”

b) Thay thế cụm từ “ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thực hiện” tại dòng thứ 2 điểm d khoản 2 bằng cụm từ “ủy ban nhân dân cấp xã cho phép thực hiện”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Khoản 1 được thay thế bằng “Đối với nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi đã được quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày

14/7/2022 và khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.”

b) Khoản 2 được thay thế bằng:

“ a) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh: Thực hiện bằng 100% mức chi tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này;

b) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp xã, trường: Thực hiện bằng 80% mức chi tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.”

c) Khoản 3 được bổ sung mục “f) Khi các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn làm căn cứ hoặc được trích dẫn tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh có những nội dung thay đổi, bổ sung, bãi bỏ và được thay thế bằng văn bản mới, thì áp dụng theo các quy định tại văn bản mới đó”

d) Bổ sung “Khoản 5. Đối với những nội dung chưa được quy định tại Nghị quyết này và Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, việc áp dụng sẽ tuân thủ theo các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày / /2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 6 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

PHỤ LỤC
MỨC CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (VNĐ)
1	Ban chỉ đạo/ Hội đồng thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	900 000
	Ủy viên/ Thư ký	Người/ngày	800 000
	Nhân viên phục vụ (Kỹ thuật viên, kế toán, thủ quy x, y tế, công an, an ninh)	Người/ngày	700 000
	Nhân viên phục vụ (Bảo vệ, phục vụ, lái xe, điện lực)	Người/ngày	450 000
2	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	900 000
	Ủy viên/ Thư ký	Người/ngày	800 000
	Thành viên gồm: nhân viên vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán	Người/ngày	700 000
	Thành viên gồm: Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	450 000
2.2	Tiền công thực hiện		
	Soạn câu hỏi thô	Câu	70 000
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	60 000
	Chi sửa câu hỏi thử nghiệm	Câu	50 000
	Chi sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	35 000
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi đề thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	10 000
2.3	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	900 000
	Ủy viên/ Thư ký	Người/ngày	800 000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (VNĐ)
3	Chi ra đề thi		
3.1	Hội đồng/ Ban ra đề thi/ Ban giám sát		
	Chủ tịch hội đồng/ Trưởng ban	Người/ngày	1 150 000
	Phó chủ tịch thường trực/ Phó ban thường trực	Người/ngày	1 000 000
	Các Phó chỉ tịch/ Phó trưởng ban còn lại	Người/ngày	900 000
	Ủy viên, Thư ký, Công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	800 000
	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	700 000
	Bảo vệ, Phục vụ, Y tế vòng ngoài	Người/ngày	450 000
	Phụ cấp tổ trưởng	Kỳ thi	600 000
3.2	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch	Người/ngày	900 000
	Ủy viên/ Thư ký	Người/ngày	800 000
	Thành viên gồm: nhân viên vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán	Người/ngày	700 000
	Thành viên gồm: Nhân viên phục vụ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	450 000
3.3	Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)		
	Thi tuyển sinh lớp 10	Đề	600 000
	Đề thi chọn học sinh giỏi	Đề	800 000
	Đề thi vào trường chuyên	Đề	800 000
3.4	Tiền công ra đề thi chính thức kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, trắc nghiệm, đề thi nói đối với môn ngoại ngữ, đề thi trên máy tính)		
	Thi tuyển sinh lớp 10 THPT	Người/ngày	1 100 000
	Thi vào trường chuyên THPT	Người/ngày	1 200 000
	Thi chọn đội tuyển dự thi Kỳ thi hsg quốc gia	Người/ngày	1 300 000
	Thi chọn học sinh giỏi tỉnh	Người/ngày	1 200 000
4	Hội đồng/ Ban in sao đề thi/ Ban giám sát		
	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban/ Phó chủ tịch làm việc cách li	Người/ngày	900 000
	Ủy viên/Công an/ Thư ký làm việc cách li	Người/ngày	800 000
	Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ làm việc cách li	Người/ngày	700 000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (VNĐ)
	Ủy viên/ Công an vòng ngoài	Người/ngày	600 000
	Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	450 000
	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	700 000
5	Hội đồng/ Ban coi thi/ Ban giám sát		
	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	1 150 000
	Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	Người/ngày	900 000
	Thư ký, ủy viên, giám thị	Người/ngày	700 000
	Công an bảo vệ đề, bài thi 24/ngày	Người/ngày	700 000
	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ	Người/ngày	450 000
6	Ban thư ký Hội đồng thi/ Tổ nhận hồ sơ, dữ liệu, lên kết quả thi		
	Trưởng ban	Người/ngày	1 150 000
	Phó trưởng ban	Người/ngày	900 000
	Ủy viên	Người/ngày	800 000
7	Hội đồng/Ban/Tổ làm phách bài thi/ Giám sát		
	Chủ tịch/ Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	1 150 000
	Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban/ Phó tổ trưởng	Người/ngày	900 000
	Thư ký, ủy viên	Người/ngày	800 000
	Thành viên gồm phục vụ, y tế, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	600 000
	Thành viên gồm phục vụ, y tế, bảo vệ làm việc vòng ngoài	Người/ngày	450 000
8	Hội đồng/ Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/ Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/ Ban chấm thẩm định bài thi, Ban/Tổ giám sát (thi trắc nghiệm, thi tự luận, thi thực hành, thi nói, thi tin học, thi trên tính)		
	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	1 150 000
	Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	Người/ngày	900 000
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an	Người/ngày	800 000
	Nhân viên phục vụ, y tế, kế toán, thủ quỹ, bảo vệ, lái xe	Người/ngày	450 000
	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trên máy vi tính; tiền công chấm phúc khảo, chấm thẩm định	Người/ngày	1 150 000
9	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn trước các kỳ thi		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (VNĐ)
	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn giảng dạy thực hành,	Người/ngày	900 000

HỘI ĐỒNG NHÂN TỈNH